

Tăng Thân

Chương thứ nhất

BỒN PHẬN CỦA NGƯỜI CON PHẬT

Tiết 1: Đòi Sóng Xuất Gia

1. Những ai muốn làm đệ tử xuất gia của ta thì phải từ bỏ gia đình, xã hội, tài sản. Người từ bỏ tất cả những điều ấy để sống vì Phật Pháp thì đó là người kế thừa của ta, được gọi là đệ tử xuất gia.

Giả sử có người nắm vạt áo của ta mà theo, bước theo từng vết chân của ta đã bước, nhưng nếu vẫn còn các dục nhiều loạn tâm, thì người đó vẫn đang cách xa ta. Cho dù có hình tướng xuất gia nhưng người đó không thấy được giáo pháp. Vì không nhìn thấy được giáo pháp nên người ấy không thể thấy ta.

2. Đệ tử xuất gia của ta cần phải thực hiện bốn điều kiện căn bản trong cuộc sống.

Thứ nhất là, phải mặc áo vá từ những mụn vải cũ.

Thứ hai là, phải kiếm thức ăn bằng cách đi khát thực.

Thứ ba là, phải cư ngụ dưới gốc cây hay nơi hốc đá.

Thứ tư là, chỉ dùng thuốc trị bệnh được làm từ nước tiểu bò được chỉ định bởi tăng.

Ôm bình bát đến từng nhà khát thực là thực hành hạnh khát thực nhưng không ép buộc người khác mà xin, cũng không dụ dỗ hay lừa dối mà xin. Vị xuất gia ấy tin rằng sở dĩ làm như thế là có thể học được cách li bỏ mê lầm, tránh xa mọi

nổi khổ trên thế gian.

Như thế, nếu xuất gia mà chưa lìa khỏi dục vọng, tham sân vẫn còn nhiều loạn tâm, các căn môn vẫn chưa được giữ gìn thì vị đó chưa thật sự xuất gia.

3. Người có tự tin rằng mình là người xuất gia, nếu có ai hỏi thì sẽ đáp rằng tôi là người xuất gia, người đó chắc chắn có thể nói như sau:

“Những điều cần làm với tư cách là người xuất gia tôi đương nhiên tuân thủ.

Với việc xuất gia chân thật này, mong cho những ai cúng dường bố thí cho tôi sẽ được hạnh phúc lớn, đồng thời tôi cũng đạt được mục đích xuất gia của mình.”

Thế thì, những điều người xuất gia phải làm là gì? Có tà, có quý, cuộc sống thường nhật và ba hành vi thân miệng ý phải trong sạch, thường giữ gìn năm cửa ngõ giác quan, tâm không bị xao xuyên việc hưởng thụ dục lạc. Lại nữa, không khen mình chê người, không lười biếng và ham ngủ.

Ban đêm tọa thiền kinh hành, khi ngủ thì nằm nghiêng về bên phải, hai chân song song, nhớ nghĩ đến thời gian cần phải thức dậy lúc sáng mai rồi vào giấc ngủ an lành. Sáng sớm thức dậy, bắt đầu ngày mới cũng bằng thời khoá tọa thiền, kinh hành.

Trong sinh hoạt ngày thường phải thường xuyên giữ tâm chính trực, chọn chỗ an tĩnh mà ngồi, luôn kiểm soát thân

Bổn Phận Của Người Con Phật

tâm chơn chánh, phải tránh xa tham, sân, si, ham ngủ, vọng tưởng, hối tiếc, nghi ngờ và giữ tâm thanh tịnh.

Cứ như thế, giữ gìn chánh niệm, trí tuệ siêu việt sẽ sanh khởi, phiền não sẽ được diệt trừ, tập trung hướng về sự giác ngộ.

4. Nếu đã là người xuất gia mà quên mình là người xuất gia, không xả tham, lìa sân, không bỏ hận thù, ghen tức, tự phụ, lừa dối, người đó giống như người mang con dao hai lưỡi bọc trong miếng vải mỏng.

Không phải khoác áo cà-sa lên mình là thành người xuất gia, không phải cầm bình bát đi khất thực là thành người xuất gia, không phải cứ đọc kinh ngân nga là thành người xuất gia, đó chỉ là cái bề ngoài, không hơn không kém.

Dù bề ngoài là người xuất gia đi chẳng nữa mà chưa dứt trừ phiền não thì cũng không phải là người xuất gia. Cũng như cho dù đắp y cà-sa cho đứa trẻ thì cũng không thể gọi bé ấy là người xuất sĩ được.

Người có thể giữ tâm chánh niệm, có trí tuệ sáng tỏ, không còn phiền não, một lòng hướng đạo bồ-đề, bước trên con đường đích thực của người xuất gia, người như thế mới được gọi là người xuất gia chân thực.

Cho dù xương tan thịt nát cũng phải luôn cố gắng, quyết chí đạt đến chỗ cần chứng đạt, nếu có nỗ lực thì cuối cùng sẽ đạt được mục đích của việc xuất gia, có thể hoàn thành

hạnh thanh tịnh.

5. Lại nữa, con đường xuất gia là phải truyền trì chánh pháp. Thuyết pháp ấy cho tất cả mọi người, làm cho những ai đang ngủ quên thì tỉnh giấc, làm cho những ai đang ôm tà kiến thì có chánh kiến, hoằng truyền chánh pháp không tiếc thân mạng.

Tuy nhiên, bởi vì việc thuyết pháp này là điều không dễ, nên người ôm chí nguyện thuyết pháp lợi sinh thì phải đắp y ca-sa của Phật, ngồi chỗ ngồi của đức Phật, bước vào ngôi nhà của Phật rồi mới nói pháp.

Đắp y ca-sa của Phật có nghĩa là phải có tâm nhu hoà kham nhẫn. Ngồi chỗ ngồi của đức Phật có nghĩa là nhìn thấy mọi sự đều là không, không chấp trước. Vào ngôi nhà của Phật có nghĩa là có lòng đại từ bi đối với tất cả mọi người.

6. Lại nữa, người muốn nói pháp này phải chú ý bốn điều. Thứ nhất là về hành vi, thứ hai là về lời nói, thứ ba là về thế nguyện, thứ tư là về lòng đại bi của vị ấy.

Thứ nhất, người tuyên thuyết giáo pháp là phải sống trên nguyên tắc nhẫn nại, phải nhu hoà, không hung hăng, xem mọi sự là không, nên không khởi tâm so đo thiện ác, cũng không cho rằng có điều gì đáng để tâm chấp trước, tâm phải an định và hành vi của thân phải nhu hoà.

Thứ hai, vị ấy phải học cách thận trọng khi tiếp xúc với

Bốn Phận Của Người Con Phật

nhiều hạng người khác nhau, giữ mình không gần với người có quyền thế, người có lối sống tà ác, và không thân cận người khác phái. Vị ấy cần phải thường ở chỗ vắng vẻ trau sửa tâm mình, tư duy về lý duyên khởi của sự vật, trú tâm như thế, vị ấy không nhục mạ người, không khinh khi người hay nói lỗi của người.

Thứ ba, vị ấy cần phải giữ tâm mình an tịnh, xem đức Phật là cha lành, xem bạn đồng tu là thầy dạy đạo, khởi lòng từ bi đối với tất cả chúng sanh mà bình đẳng nói pháp.

Thứ tư, vị ấy cần phải như đức Phật, phát huy lòng từ bi lên tới mức cao nhất, đối với người chưa biết cầu đạo thì phát nguyện làm cho kẻ ấy có thể nghe được giáo pháp, rồi theo nguyện ấy mà nỗ lực để đạt thành.

Tiết 2: Phận Sự của Phật Tử Tại Gia

1. Ở trước có nói, người tin vào Phật giáo, tức là người tin vào tam bảo: Phật, giáo pháp và giáo đoàn.

Do đó, người có niềm tin vào Phật giáo là phải có niềm tin bất hoại đối với đức Phật, giáo pháp và giáo đoàn, phải giữ gìn giới luật đã thọ với tư cách là Phật tử tại gia.

Giới luật của người Phật tử tại gia nghĩa là không sát sinh, không trộm cắp, không quan hệ tình ái bất chính, không nói dối, không sử dụng chất kích thích làm tâm trí say sưa.

Phật tử tại gia là người có niềm tin đối với tam bảo, và giữ gìn giới luật của người tại gia, bên cạnh đó còn phải làm cho người khác cũng có được niềm tin vào giới luật này. Cần phải cố gắng làm cho mọi người trong thân tộc, bạn bè, người quen biết có cùng niềm tin. Nhờ như thế mà tất cả mọi người đều có thể đượm nhuần ánh từ bi của Phật.

Việc có tín tâm đối với tam bảo và giữ gìn giới luật của Phật tử tại gia là để được tuệ giác giác ngộ, cho dù người tại gia sống trong cuộc đời còn ái dục nhưng phải cố gắng không để ái dục trói buộc.

Cha mẹ rồi cũng đến lúc phải biệt ly, gia đình rồi cũng đến lúc phải chia lìa. Cõi đời này rồi cũng đến lúc phải ra đi, không để tâm bị trói buộc nơi cái phải chia lìa, nơi cái phải ra đi, mà phải hướng tâm vào niết-bàn, nơi vốn không có sự chia ly ấy.

Bổn Phận Của Người Con Phật

2. Nếu nghe được lời dạy của đức Phật, có niềm tin sâu dày không thoái chuyển thì sẽ tự nhiên khởi tâm hoan hỷ. Nếu đạt đến tâm cảnh này thì nhận thấy mọi sự đều sáng tỏ, ánh sáng ấy phản chiếu trong tâm làm tâm sinh hỷ lạc.

Lòng tin này trong sáng và nhu hoà, thường hay nhẫn nại, không thích tranh giành, không làm phiền nhiễu người khác, thường xuyên nghĩ nhớ đến Phật pháp tạng. Do đó tâm vị ấy thường sinh hoan hỷ, có thể nhìn thấy ánh sáng giác ngộ ở bất cứ nơi đâu.

Nhờ có niềm tin mà người ta sống dưới ánh sáng giác ngộ của Phật, rời bỏ tư tưởng về cái tôi, không còn tham tiếc cái của tôi, do đó không còn sợ hãi trong cuộc đời, không còn chán nản vì bị sỉ nhục.

Vì tin rằng sẽ sinh về cõi nước của Phật nên không sợ chết, vì có niềm tin vào giáo pháp tôn quý và chân thật nên không run sợ, khi ở trước đám đông có thể nói năng một cách tự tin.

Lại nữa, vì vị ấy có đầy lòng từ bi nên không có ý niệm yêu ghét đối với mọi người, vì tâm trong sáng ngay thẳng nên cứ thế mà tiến tu, thực hành tất cả điều thiện.

Niềm tin ngày càng tăng dù là trong thuận duyên hay nghịch cảnh, biết hổ thẹn, kính quý lời Phật dạy, làm đúng như những gì đã nói, nói đúng như những gì đã làm, lời nói và hành động hợp nhất với nhau, nhìn sự vật với trí tuệ sáng suốt, lòng vững như núi, nguyện dần dần hướng đến đạo quả bồ-đề giác ngộ.

Bổn Phận Của Người Con Phật

Lại nữa, cho dù gặp chuyện gì xảy ra cũng dẫn dắt mọi người với tâm như tâm của Phật, dù ở trong cõi đời ác trược, sống cùng với con người nhiễm ô nhưng luôn cố gắng chuyển hoá những người ấy đến với điều thiện.

3. Do đó, mọi người trước tiên cần phải tự mình lập nguyện nghe giáo pháp.

Giả như có người bảo rằng “nếu bước vào trong đồng lửa đang cháy này thì sẽ được pháp” cũng phải có quyết tâm cầu đạo mà bước vào ngọn lửa ấy.

Việc đi trong thế giới đầy lửa dữ mà nghe được danh Phật thì đúng là sự cứu độ.

Làm được như thế thì bản thân sẽ có được giáo pháp. Cần phải bố thí rộng khắp, cung kính người đáng cung kính, phụng sự người đáng phụng sự, đối xử với người khác bằng lòng từ bi sâu rộng. Tự lợi, ích kỷ không phải là lối sống của người sống theo lời Phật dạy.

Như thế, người Phật tử tại gia cần phải chú trọng việc tu tập tâm, không xao nhãng bởi những sự việc khác. Vị ấy nghe giáo pháp, tin tưởng thực hành theo giáo pháp, không ganh ghét người, không bị lung lạc bởi lời bàn ra của người khác, không quan tâm đến tôn giáo nào khác nữa.

Người không có niềm tin vào Phật pháp thì vì họ chỉ nghĩ đến những thú của bản thân nên tâm tính nhỏ hẹp, khi nào cũng rối ren. Còn người có lòng tin nơi Phật pháp thì vì tin

Bổn Phận Của Người Con Phật

rằng có một sức mạnh trí tuệ và từ bi gia hộ cho mình nên tự nhiên tâm tánh rộng rãi bao dung không chật vật rối rắm.

4. Lại nữa, người nghe được giáo pháp sẽ thấy được vốn dĩ thân này là vô thường, vốn là sự tập hợp của khổ đau, là nguồn gốc của điều xấu ác nên không chấp trước thân này.

Nhưng cũng cần phải nuôi dưỡng thân này một cách thận trọng, đó không phải vì tham lam dục lạc mà vì thân này có thể tu hành để chứng đạo và truyền trì Phật pháp.

Nếu không nuôi dưỡng thân này thì không thể giữ được mạng sống, nếu không có mạng sống thì không thể tu hành Phật đạo và truyền trì giáo pháp ấy.

Cũng giống như kẻ muốn qua sông thì phải giữ gìn chiếc bè, người đi đường xa thì phải săn sóc con ngựa. Người muốn thực hành theo giáo pháp để đạt đạo quả giác ngộ thì phải quý trọng giữ gìn thân thể này.

Lại nữa, người Phật tử tại gia cần phải biết việc mặc quần áo là để che thân, để tránh cái nóng cái lạnh, không phải là để trang sức phù phiếm.

Người ấy cũng cần phải biết ăn uống là để nuôi thân mà học đạo và truyền trì Phật pháp, chứ không phải để mà hưởng thụ.

Đối với nhà ở cũng vậy, không phải là để hưởng thụ cá nhân hay khoe khoang sự phú quý. Cần phải nghĩ rằng để

Bổn Phận Của Người Con Phật

sống trong ngôi nhà giác ngộ, để được phòng hộ khỏi bọn giặc tham dục thế gian, khỏi những cơn mưa bão tà giáo.

Cứ như thế đối với tất cả, bất cứ điều gì cũng không nghĩ là để cho thân này, cũng sẽ không có lòng kiêu ngạo đối với người khác, mà phải nghĩ là chỉ vì sự giác ngộ, vì giáo pháp, vì lợi ích cho mọi người.

Do đó, cho dù sống ở nhà cùng với gia đình nhưng lòng không hề lìa khỏi giáo pháp. Cư xử với gia đình bằng tâm từ bi, tìm kiếm phương cách để đánh thức niềm tin chánh pháp trong tâm của mọi người.

5. Những Phật tử tại gia vốn là thành viên của giáo đoàn Phật giáo này, ngày thường cần phải để tâm hầu cận mẹ cha, chăm sóc gia đình, chăm sóc bản thân và phụng thờ đức Phật.

Khi hầu cận mẹ cha, thì học cách thực hành tâm từ đối với tất cả sinh mệnh chúng sanh. Khi sống cùng vợ con thì học cách từ bỏ tham ái và hạnh phúc ích kỷ.

Khi nghe âm nhạc thì nên nghĩ muốn đạt được niềm vui trong giáo pháp, khi ở trong phòng thì nên nghĩ muốn bước vào cảnh giới của thánh giả, vĩnh viễn xa lìa nhiễm ô.

Khi bố thí cho người khác thì phải nghĩ muốn lìa bỏ hết tâm tham. Khi ở chỗ đông người thì nghĩ muốn bước vào chúng hội của chư Phật. Khi gặp điều bất hạnh thì nguyện có được tâm không bị dao động.

Bổn Phận Của Người Con Phật

Khi quy y Phật thì nguyện cùng với mọi người sinh khởi tâm cầu đạo và thể đắc đại đạo.

Khi quy y giáo pháp thì nguyện cùng với mọi người bước vào kho tàng giáo pháp thâm sâu, được trí tuệ rộng lớn như biển cả.

Khi quy y tăng già thì nguyện cùng với mọi người dẫn dắt đại chúng, tiêu trừ tất cả chướng ngại.

Lại nữa, khi mặc quần áo thì không quên coi y phục là thiện căn và tàm quý.

Khi đi vệ sinh thì nguyện diệt trừ những thứ ô nhiễm tham sân si.

Khi thấy con đường dốc lên cao thì nghĩ muốn đạt đến đạo vô thượng, vượt khỏi thế giới u mê; khi nhìn thấy con đường dốc xuống thấp thì nên nguyện bước vào giáo pháp thâm sâu.

Khi nhìn thấy cây cầu thì nguyện sẽ bắc cây cầu giáo pháp để mọi người đi qua.

Khi nhìn thấy người đau buồn đáng thương thì khởi tâm đau buồn cho cuộc đời đời thay vô thường.

Khi nhìn thấy người ham vui dục lạc thì nguyện xa lìa đời sống huyễn ảo, đạt được giác ngộ chân thật.

Khi được thức ăn ngon thì cảnh giác thiếu dục tri túc, nguyện xa lìa chấp trước; còn khi được thức ăn không ngon

Bổn Phận Của Người Con Phật

thì nguyện xa lìa vĩnh viễn những tham dục thế gian.

Khi mùa hè nóng bức thì nguyện xa lìa cái nóng của phiền não được sự mát mẻ của giác ngộ, khi mùa đông lạnh giá thì nguyện được cái ấm áp đại bi của đức Phật.

Khi tụng kinh thì nguyện giữ gìn tất cả giáo pháp đừng quên mất.

Khi niệm Phật thì nguyện có được tuệ nhãn siêu việt như đức Phật.

Ban đêm khi đi ngủ thì nguyện dừng các nghiệp thân khẩu ý, làm trong sạch tâm mình; sáng sớm khi thức dậy thì nguyện giác ngộ tất cả, thấu hiểu được mọi điều.

6. Lại nữa, người Phật tử tại gia vì biết giáo lý “không”, tức là dạng thái vốn có của mọi sự mọi vật, nên không khinh khi những công việc trong đời, những hạng người trong nhân gian, mà chỉ nhận biết như thế, cứ như thế mà làm hoàn thành con đường giác ngộ.

Không nên cho rằng thế giới nhân gian là mê mờ nên vô nghĩa, thế giới của sự giác ngộ là tôn quý, có ý nghĩa. Cần phải nếm trải con đường giác ngộ trong tất cả mọi sự ở thế gian này.

Nếu nhìn sự vật bằng đôi mắt bị che đậy bởi vô minh thì thế gian quả là đầy lỗi lầm và vô nghĩa. Nhưng nếu quan sát bằng trí tuệ sáng suốt thì chính thế gian này là thế giới giác ngộ.

Bổn Phận Của Người Con Phật

Sự thật thì chỉ có một thế giới. Không có cái vô nghĩa và cái có nghĩa, cũng không có cái thiện cái bất thiện. Cho rằng có hai mặt như thế chẳng qua là do sự phân biệt của con người.

Nếu quan sát bằng trí tuệ không phân biệt thì tất cả mọi sự mọi vật đều có ý nghĩa cao quý.

7. Cứ như thế, người Phật tử tại gia tin Phật, trải nghiệm và trân quý mọi việc trong cuộc đời bằng tín tâm ấy, và cũng với tín tâm ấy mà nghiêng mình phụng sự tha nhân.

Do đó người Phật tử không có tâm kiêu ngạo mà chỉ có tâm khiêm hạ, tâm phụng sự người khác, tâm như đại địa có thể dung chứa hết thảy, tâm phụng sự hết thảy mà không một chút phàn nàn, tâm nhẫn nại đối với sự khổ, tâm không biếng nhác, tâm ban bố thiện căn đối với tất cả người nghèo.

Như thế, vị ấy có tâm an ủi người khốn khó, là mẹ hiền của hết thảy chúng sanh, chính tâm từ ấy là tâm quý kính chúng sanh, coi tất cả như là cha mẹ mình, bạn hữu mình.

Do đó, đối với người Phật tử tại gia, cho dù bị trăm ngàn người oán ghét, xem như kẻ thù hay cố ý làm hại đi nữa thì họ cũng không thể toại ý được. Cũng giống như cho dù vật có độc mấy đi chăng nữa cũng không thể làm tổn hại đến cả.

Bổn Phận Của Người Con Phật

8. Lại nữa, người Phật tử tại gia vui với hạnh phúc của mình bằng sự phấn tỉnh và biết ơn. Lòng tin Phật này chính là nhờ Phật lực, là điều được đức Phật ban tặng.

Chúng ta biết rằng trong thế giới bùn lầy phiền não không có sẵn hạt giống tín tâm, nhưng nhờ lòng từ bi của Phật, những hạt giống tín tâm ấy được gieo trồng vào chốn bùn lầy này, và thế rồi có tâm tín ngưỡng Phật.

Như trước đây có đề cập, cây hương Chiên-đàn không thể mọc trong rừng cây độc Eranda. Cũng thế, hạt giống tín tâm với Phật không thể nảy mầm trong phiền não.

Tuy nhiên, giờ đây nó nảy mầm, niềm hoan hỷ khai hoa trong phiền não thì có thể biết rằng, thật ra gốc rễ của nó không ở đây mà ở nơi khác. Gốc rễ của nó ở trong tâm của đức Phật.

Người Phật tử khi bị ngã chấp chi phối thì cũng do tâm tham, sân, si mà hiềm khích, đố kỵ, ghen ghét, làm tổn hại người. Nhưng khi trở về với Phật thì thực hành hạnh nguyện của Phật cao cả như đã nói trước đây. Điều này thật sự phải nói là điều tuyệt vời.

Tiết 3: Phương Châm Trong Sinh Hoạt

1. Quả là điều sai lầm nếu cho rằng bất hạnh đến từ bên ngoài, phía đông hay phía tây gì đó mà không biết rằng nó bắt đầu từ bên trong bản thân mình. Do đó nếu không tu sửa bên trong mà chỉ lo phòng chống thứ bên ngoài là điều sai lầm.

Ngày xưa có tục lệ mà tất cả mọi người đều tuân theo. Đó là, sáng thức dậy súc miệng, rửa mặt rồi, lễ lạy sáu phương đông, tây, nam, bắc, phương trên, phương dưới, cầu nguyện một ngày an lành không có điều bất hạnh nào từ bên ngoài đến nhà.

Tuy nhiên, những gì đức Phật dạy thì có chút khác biệt. Ngài dạy tôn kính sáu phương một cách đúng đắn, thực hành hiền đức để phòng tránh điều bất hạnh.

Để phòng hộ sáu phương này, trước hết chúng ta cần phải lìa bỏ bốn hành vi nhiễm ô, điều phục bốn tâm xấu, và đóng chặt sáu cửa ngõ làm khuynh gia bại sản.

Bốn hành vi nhiễm ô đó là, sát sanh, trộm cắp, tà hạnh và lừa dối.

Bốn tâm xấu đó là, tham lam, sân hận, ngu si và hèn nhát.

Sáu cửa ngõ làm khuynh gia bại sản đó là, ham thích sử dụng chất gây say rồi hành động đại dột, chơi bời thâu đêm và đắm mình trong những điều phù phiếm, đam mê các thứ giải trí phim nhạc kịch, cờ bạc, kết giao với bạn xấu và, lơ là công việc do những điều trên.

Bổn Phận Của Người Con Phật

Sau khi lìa bỏ bốn hành vi nhiễm ô, điều phục bốn tâm xấu và đóng chặt sáu cửa ngõ làm khuynh gia bại sản, rồi tiếp theo là thực hành lễ bái sáu phương một cách đúng đắn.

Vậy, gì là sáu phương? Phương đông là đạo của cha mẹ và con cái, phương nam là đạo của thầy trò, phương tây là đạo của vợ chồng, phương bắc là đạo của thân hữu, phương dưới là đạo chủ tớ, phương trên là đạo lý đối với người truyền trao giáo lý.

Trước hết, về đạo của cha mẹ và con cái ở phương đông, con cái cần phải làm năm điều sau đây đối với cha mẹ. Đó là, chăm sóc cha mẹ, làm việc cho cha mẹ, bảo vệ gia tộc, giữ gìn gia sản và lo việc giỗ chạp cho người đã khuất.

Đáp lại, cha mẹ cũng nên làm năm điều sau đây đối với con cái. Đó là, tránh làm những điều xấu ác, bồi đắp những hành động lành, dạy cho con cái biết kiến thức đạo đức và kỹ năng nghề nghiệp, lo cho con cái đến khi chúng kết hôn, và trao gia sản cho con khi cần phải trao.

Nếu thực hành năm điều trên về đạo của cha mẹ và con cái thuộc phương đông, thì sẽ được an bình và không có sầu não.

Tiếp theo, đạo thầy trò thuộc phương nam. Người trò cần phải đứng dậy khi thầy đến gần, đáp ứng những yêu cầu của thầy, lắng nghe một cách nghiêm túc, không quên tặng quà cho thầy, tiếp nhận bài học từ thầy một cách quý trọng.

Đáp lại, người thầy cũng cần phải hướng dẫn cho học trò

Bổn Phận Của Người Con Phật

tự mình thực hành một cách đúng đắn, truyền trao đúng những kiến thức mà người thầy đã học được và, chuẩn bị cho học sinh phương hướng để nhận được danh dự, lợi ích và sự tôn quý ở bất cứ nơi đâu.

Thực hành đạo của thầy trò thuộc phương nam như thế thì sẽ có được bình an không sâu khổ.

Kế đến là đạo của vợ chồng thuộc phương tây. Người chồng cần phải đối xử với người vợ bằng sự quý trọng, lịch sự và chung thủy, tin tưởng người vợ bằng cách cho cô ấy quyền quyết định, và tặng quà cho cô ấy. Người vợ cần phải làm tốt những phần việc của mình, đáp ứng nhu cầu các thành viên trong gia đình, chung thủy với chồng, bảo vệ tài sản của gia đình và quán xuyến tốt những sự việc của gia đình.

Thực hành đạo về vợ chồng thuộc phương tây như thế thì sẽ có được bình an không sâu khổ.

Kế đến là đạo về thân hữu thuộc phương nam. Cần phải cung cấp cho người bạn những gì bạn thiếu, nói chuyện với bạn bằng sự tử tế, làm việc vì lợi ích của bạn, luôn thấu hiểu và đối xử với bạn bằng sự chân thành. Cần phải cố gắng ngăn chặn bạn mình rơi vào con đường xấu ác, giữ gìn hộ tài sản của bạn mình khi anh ấy/ cô ấy lạc đường, lắng nghe những tâm tư của bạn mình khi anh ấy/ cô ấy gặp vấn đề, giúp đỡ bạn mình khi anh ấy/ cô ấy gặp khó khăn và hỗ trợ gia đình của bạn mình khi cần thiết.

Thực hành đạo về thân hữu thuộc phương bắc như thế thì

Bổn Phận Của Người Con Phật

sẽ được điều bình an không sâu khổ.

Tiếp theo là đạo về chủ tớ thuộc phương dưới. Cần phải nghĩ đến năm điều sau đây trong việc ứng xử với người hầu. Để cho người ấy làm việc phù hợp với khả năng của họ. Cung cấp cho họ bữa ăn ngon và lương thưởng đầy đủ. Chăm sóc một cách tử tế khi họ bệnh. Chia sẻ cho họ bất kỳ món ngon nào bạn có và cho họ nghỉ ngơi những khi thích hợp.

Đôi lại, người hầu cũng cần phải phục vụ chủ với những điều sau. Nên thức dậy trước chủ và đi ngủ sau chủ, khi nào cũng thành thật, thành thạo công việc, và không mang lại sự ô danh cho chủ tốt.

Thực hành đạo về chủ tớ thuộc phương dưới như thế sẽ được điều bình an không sâu khổ.

Kế đến là đạo về việc phụng sự người dạy đạo thuộc phương trên. Nên đối xử với sư dạy đạo bằng sự tôn trọng nhất, cả về thân khẩu ý. Nên chào đón các nhà truyền giáo bằng sự quý kính, lắng nghe và thẩm sát về lời dạy của họ, và cúng dường cho họ.

Đôi lại, người dạy đạo cần phải từ bỏ điều không tốt, bồi dưỡng lòng tốt, từ mẫn bằng trái tim nhân hậu, truyền trao những chuẩn mực đạo đức, làm cho người nghe thấu hiểu giáo lý và cũng làm cho họ có được năng lượng bình an.

Thực hành đạo về việc phụng sự người dạy đạo thuộc phương trên như thế sẽ được điều bình an không sâu khổ.

Bổn Phận Của Người Con Phật

Như thế, việc lễ bái lục phương không có nghĩa là lễ lạy sáu phương hướng để cầu mong tránh khỏi tai họa từ bên ngoài, mà là để trở thành người phòng vệ sáu phương, tự mình ngăn chặn những tai họa xảy ra từ chính nơi bản thân mình.

2. Cần phải nhìn nhận ra những người bạn nên kết thân và những người không nên thân thiết.

Người không nên thân thiết là người tham lam, người miệng lưỡi, người hay tâng bốc và người sống lãng phí.

Người bạn nên kết thân là người giúp đỡ ta một cách chân tình, người sẵn sàng đồng cam cộng khổ, người khuyên ta thẳng thắn khi cần thiết và người thấu hiểu ta.

Người bạn đích thực là người có thể kết giao một cách an toàn, thường hướng cho bạn mình đi trên con đường đúng đắn, bí mật lo cho hạnh phúc của bạn mình, an ủi bạn mình khi gặp bất hạnh, giúp đỡ bạn mình khi cần thiết, giữ gìn bí mật của bạn và cho bạn lời khuyên bổ ích.

Có được người bạn như thế hoàn toàn không phải dễ, nhưng bản thân phải cố gắng để trở thành một người bạn như thế. Với hành vi thiện lành ấy, người bạn tốt như ánh thái dương chiếu sáng trong thế gian.

3. Công ơn của cha mẹ thì cho dù có nỗ lực đến đâu cũng không thể đền đáp được. Dù trong cả trăm năm vai

Bổn Phận Của Người Con Phật

trái công cha, vai phải công mẹ mà đi đi chãng nữa cũng không thể đền đáp thâm ân ấy được.

Lại nữa, dù có ngày đem dùng nước hoa tắm gội cho cha mẹ đến cả trăm năm, cho dù làm tròn tất cả việc hiếu dưỡng, và cho đến đưa cha mẹ lên làm vua một nước, cố gắng nỗ lực để làm cho cha mẹ hưởng thụ vinh hoa thì công ơn cha mẹ cũng không thể đáp đền hết được.

Tuy nhiên, nếu làm cho cha mẹ từ bỏ con đường xấu ác, đưa cha mẹ trở về con đường chân chánh khi cha mẹ lỡ lạc đường, làm cho cha mẹ tin vào lời Phật dạy, lìa bỏ tham lam, vui thích bố thí, nếu làm được như vậy là có thể báo đáp được ơn sanh thành dưỡng dục lớn lao. Hay cũng có thể là còn hơn cả sự đền đáp.

4. Gia đình là nơi những con người có tâm hồn gần gũi nhau chung sống. Nếu những thành viên trong gia đình yêu thương lẫn nhau thì ngôi nhà ấy sẽ như là vườn hoa tuyệt đẹp. Nhưng nếu những thành viên ấy mất hoà khí với nhau thì điều đó cũng như cơn sóng to gió dữ có sức huỷ diệt vườn hoa kia.

Trường hợp ấy, trước tiên phải giữ tâm mình, tự mình phải đi đúng hướng trên con đường cần phải đi, không nên nói đến việc của người.

5. Ngày xưa, có người thanh niên kính tín tam bảo. Bố mất sớm nên hai mẹ con sống với nhau một cách thuận hoà.

Bổn Phận Của Người Con Phật

Thế rồi chàng thanh niên lập gia đình, đón nàng dâu mới về và ba người sống chung.

Ban đầu thì họ chung sống với nhau thân thiết, là một gia đình êm ấm trong vùng. Nhưng sau đó thì xảy ra sự xích mích giữa mẹ chồng nàng dâu, sóng gió nổi lên đến nỗi không thể hàn gắn lại được, cuối cùng người mẹ đã ra đi để hai người trẻ sống ở nhà.

Người mẹ ra ở riêng một thời gian thì nàng dâu sinh được người con trai. Có lời đồn nàng dâu nói rằng “khi cùng sống với mẹ chồng vì cứ luôn bị làm phiền nên phước lành mãi mà không đến. Nay ở riêng thì trời ban phước lành đưa con thế này đến ngay”. Lời đồn ấy đến tai người mẹ đang sống hiu quạnh một mình.

Người mẹ nổi giận khóc than: “mẹ chồng bị cho ra khỏi nhà mà trời ban phước, đạo đức chính nghĩa đã không còn trong thế gian này”.

Bà khóc la: “tôi phải chôn cất cái đạo lý này”, rồi đi vào nghĩa địa như một người điên.

Thần Indra biết việc, liền hiện ra trước người mẹ này, hỏi han thuyết phục bà nhưng vô hiệu.

Vị thần bèn nói: “thế thì ta sẽ thiêu chết đứa bé và mẹ của nó cho người tha lòng được không?”.

Người mẹ hoảng hốt với lời nói của thần Indra. Bà cuống quýt ăn năn xin lỗi vì sự sai trái của mình và cầu xin thần tha mạng cho con dâu và cháu trai. Cùng ngay lúc đó, con

Bổn Phận Của Người Con Phật

traì và nàng dâu nhận ra lỗi lầm đã sai từ trước đến nay nên đi tìm mẹ, họ vào đến nghĩa trang này. Thần Indra hoà giải cho hai người phụ nữ, mang trở lại gia đình êm ấm như xưa.

Nếu tự mình không từ bỏ đạo đức chánh nghĩa thì chánh nghĩa không bao giờ bị diệt vong. Chánh nghĩa đôi khi như thể là bị mất đi nhưng thật ra nó không mất. Khi nó biến mất, chẳng qua là do nó rời khỏi tâm hồn của con người mà thôi.

Khi các thành viên trong gia đình không vừa lòng nhau thì quả thật đó là mầm mống của niềm bất hạnh đáng e ngại. Chỉ một chút hiểu lầm thôi cũng có thể thành hoạ lớn. Trong cuộc sống gia đình cần phải đặc biệt chú ý điều này.

6. Về gia kế của gia đình, ai cũng phải chăm chỉ cố gắng như con kiến, con ong mật. Tuyệt đối không được sống nhờ vào sức của người khác hay đợi người khác giúp cho.

Và lại nữa, cũng không nên nghĩ rằng của cải có được nhờ sự nỗ lực của mình là của riêng mình, chỉ mình mình phung phí chi tiêu. Cần phải chia một phần cho người khác, một phần để dành phòng khi bất trắc mà sử dụng. Ngoài ra còn nên vui vẻ cống hiến cho xã hội, cho sự phát triển của giáo đoàn tôn giáo.

Luôn ghi nhớ rằng trên thế gian này không có một vật gì là của ta. Tất cả chẳng qua là do nhân duyên mà đến với mình, chẳng qua là tạm thời giữ lấy. Cho nên cần phải quý trọng,

Bổn Phận Của Người Con Phật

chừng mực đối với bất cứ vật gì.

7. Khi ngài Anan được hoàng hậu của vua Udayana, bà Syamavati cúng dường năm trăm chiếc y, ông liền vui vẻ thọ nhận.

Nhà vua nghe được điều này, nghi ngờ không biết Anan có nhận vì do tâm tham hay không. Vua liền đến hỏi Anan.

“Thưa tôn giả, ngài nhận năm trăm chiếc y để làm gì?”

Anan đáp: “thưa đại vương, có nhiều tỳ-kheo đắp y đã rách, tôi chia những chiếc y này cho họ”. “Thế những y rách ấy thì làm gì?”. “Chúng tôi dùng để làm miếng trải ngoạ cụ”. “Thế miếng trải ngoạ cụ cũ thì làm gì?”. “Chúng tôi dùng làm miếng trải gối”. “Thế miếng trải gối cũ?”. “Chúng tôi dùng làm miếng lót sàn nhà”. “Thế miếng lót sàn nhà cũ?”. “Chúng tôi dùng làm miếng lau chân”. “Thế miếng lau chân cũ?”. “Dùng làm giẻ lau linh tinh”. “Thế giẻ lau cũ?”. “Thưa đại vương, chúng tôi sẽ xé nó ra từng miếng nhỏ, trộn với bùn để làm tường nhà”.

Cần phải sử dụng đồ vật một cách quý trọng. Và cũng cần tái sử dụng chúng nhiều lần. Đây là cách sử dụng những thứ tạm thời ta giữ gìn, không phải của ta.

8. Mối quan hệ vợ chồng không phải chẳng qua chỉ là do hợp điều kiện mà có thể tác thành. Cũng không phải là mối quan hệ do hai nhục thể con người sống chung một

Bổn Phận Của Người Con Phật

chỗ. Vợ và chồng cần phải nâng tầm mật thiết mối quan hệ của mình bằng cách cùng nhau tu tập tâm trong thánh giáo.

Ngày xưa có cặp vợ chồng được mọi người gọi là “cặp đôi hoàn hảo”, một hôm đến chỗ của đức Thế Tôn mà thưa rằng: “Thưa Thế Tôn, chúng con quen biết nhau từ thuở nhỏ rồi sau đó mới thành vợ chồng. Cho đến bây giờ trong tận đáy lòng của chúng con chưa hề có một chút nghi ngờ nhau về sự trung trinh. Xin hãy chỉ cho chúng con làm thế nào để trong kiếp sau cũng có thể thành vợ chồng, cùng nhau chung sống hạnh phúc như ở kiếp này?”.

Đức Thế Tôn đáp: “Cả hai người có cùng đức tin tôn giáo thì được. Cùng thọ nhận một giáo lý, cùng tu dưỡng tâm, cùng thực hành bổ thí, cùng có trí tuệ như nhau thì có thể đời sau cũng được sống một lòng với nhau”.

9. Không có sự khinh hay trọng giữa nam và nữ trên con đường tiến đến giác ngộ. Nếu người phụ nữ phát tâm cầu đạo thì cũng được gọi là “người cầu đạo giác ngộ”.

Phu nhân Thắng Man (Śrīmālādevī), công chúa con vua Ba-tư-nặc (Prasenajit), hoàng phi vua nước Ayodhya là người cầu đạo giác ngộ này, bà có lòng tin vững chắc vào giáo pháp của đức Thế Tôn, ở trước Thế Tôn mà lập mười nguyện như sau:

“Thưa Thế Tôn, con nguyện từ nay cho đến khi thành chánh giác con sẽ

(1) không phạm giới đã thọ.

Bổn Phận Của Người Con Phật

(2) không vô lễ với người lớn hơn mình.

(3) Không nổi giận đối với bất kỳ ai”.

“Con nguyện

(4) không ganh tỵ, không đố kỵ với người và vật sở hữu của người.

(5) không khởi tính vị kỷ tiếc nuối cho dù đối với tâm mình hay đồ vật.

(6) không cất giữ tài sản cho riêng mình mà có được vật gì sẽ đem tặng cho người nghèo khó, cho họ được hạnh phúc.

(7) Cho dù có thực hành tứ nhiếp sự, bố thí cho người, nói lời từ ái, làm lợi ích cho người hay xem việc của người như việc của mình đi chăng nữa thì đó cũng không phải là để hồi hướng phước báo cho mình, với tâm không nhiễm ô, không xấu ác, không chướng ngại, con nguyện bao dung tất cả chúng sanh.

(8) Nếu nhìn thấy có người cô độc, hay người bị giam cầm trong lao ngục, hay người khốn khổ vì bệnh tật, hay nhiều những người chịu những điều thống khổ khác nhau, ngay lập tức con sẽ nói pháp cho họ nghe để làm yên lòng họ, cứu giúp họ khỏi nỗi thống khổ.

(9) Nếu nhìn thấy có kẻ săn bắn, bạo hành thú vật hay phạm những giới khác, con sẽ cố gắng bằng tất cả năng lực của mình, trừng phạt trường hợp cần trừng phạt, khuyên bảo trường hợp cần khuyên bảo, làm cho họ chấm dứt những hành vi ác ấy.

(10) Con nguyện sẽ không quên những lời dạy chân thật mà con đã có được. Vì người quên mất lời dạy chân thật là lia khỏi giáo pháp siêu việt, không thể đến được bến bờ

Bổn Phận Của Người Con Phật

giác ngộ”.

“Và lại nữa, con cũng phát thêm ba nguyện nữa để cứu giúp những kẻ bất hạnh trên. Đó là,

(1) Với hạnh nguyện chân thật này con sẽ làm an ổn tất cả chúng sanh. Và bằng thiện căn ấy dù sinh ra ở đâu cũng có được trí tuệ chánh pháp.

(2) Khi có được trí tuệ chánh pháp con sẽ nói pháp cho tất cả chúng sanh nghe.

(3) Con nguyện bảo vệ chánh pháp mà mình đã đạt được bằng mọi giá, cho dù có hy sinh thân mạng và tài sản”.

Ý nghĩa chân thực của đời sống tại gia là tương trợ nhau tiến triển trên con đường đạo. Nếu ai phát tâm đi trên con đường này cũng sẽ có cùng hạnh nguyện như phu nhân Thắng Man, đích thực sẽ là đệ tử ưu tú của đức Phật.

Chương thứ hai

Kiến Lập Thế Giới Thanh Tịnh

Tiết 1: Tăng Thân

1. Chúng ta thử hình dung có một đồng hoang rộng lớn tối tăm, không có một chút ánh sáng. Ở đó có nhiều loài sinh vật sống lúc nhúc trong đó.

Tuy nhiên, do tối tăm nên chưa từng biết nhau, mỗi mỗi riêng sống một mình, buồn bã lo sợ. Cảnh tượng quả thật đáng thương.

Bỗng nhiên ở đó có ánh sáng chiếu đến. Một nhân vật ưu việt bỗng xuất hiện, trên tay cầm cây đuốc lớn. Cánh đồng hoang tối tăm bỗng bừng sáng sủa rõ ràng.

Khi ấy, những sinh vật từ trước đến nay đã sống lúc nhúc trong bóng tối đứng lên, nhìn quanh, biết rằng chung quanh cũng có nhiều kẻ giống mình, hoảng hốt cất tiếng kêu vui, chạy lại gần nhau mà ôm chầm lấy nhau, vui vẻ nói chuyện cùng nhau.

Cánh đồng hoang được nói trên đây là chỉ cho cuộc đời này, sự tối tăm là chỉ cho việc không có ánh sáng trí tuệ đúng đắn. Không có trí tuệ trong tâm thì dù có gặp nhau cũng không biết tương tri hoà hợp. Nên sống một mình chết cũng một mình. Cô độc một mình. Cử động mà không có ý nghĩa gì thì buồn bã lo sợ là điều đương nhiên.

Một nhân vật ưu việt cầm cây đuốc lớn xuất hiện là chỉ cho đức Phật chiếu ánh sáng trí tuệ đến con người.

Kiến Lập Thế Giới Thanh Tịnh

Nhờ được ánh sáng này chiếu soi, con người mới biết đến bản thân mình, đồng thời cũng thấy được người khác, ngạc nhiên vui mừng, từ đó cộng đồng hoà hợp được hình thành.

Cho dù có bao nhiêu ngàn vạn người đi chẳng nữa nếu không biết đến nhau thì cũng không phải là xã hội.

Xã hội có nghĩa là nơi có ánh sáng trí huệ chân thật soi rọi, biết đến nhau, tin tưởng nhau, là đoàn thể hoà hợp.

Sự hoà hợp thật sự là sinh mệnh, và là chân ý nghĩa của xã hội hay đoàn thể.

2. Tuy nhiên, trong đời này có ba loại đoàn thể.

Thứ nhất là đoàn thể được tập hợp vì có vị chỉ đạo có sức mạnh về quyền thế và tài chính. Thứ hai là đoàn thể được tập hợp vì điều kiện thuận lợi, tồn tại cho đến khi nào các thành viên còn hợp nhau và không tranh cãi nhau. Thứ ba là đoàn thể lấy giáo pháp làm trung tâm và lấy sự hoà hợp làm sinh mệnh.

Đương nhiên, trong ba loại đoàn thể này, đoàn thể chân thật là loại đoàn thể thứ ba. Các thành viên của đoàn thể này sinh hoạt trong cùng một tinh thần, từ đó sinh ra nhiều công đức, do đó ở đó có bình an, có sự hoan hỷ, đạt được như ý và có phước đức.

Và cũng như nước mưa trên núi chảy xuống thành sông nhỏ, tiếp theo đến sông lớn, rồi hoà mình ra biển rộng.

Kiến Lập Thế Giới Thanh Tịnh

Cho dù con người với nhiều hoàn cảnh sống khác nhau nhưng được gọi nhuần cùng một trận mưa giáo pháp, rồi từ đoàn thể nhỏ bước vào xã hội, rồi cuối cùng hoà mình vào biển giác ngộ có cùng một hương vị giải thoát.

Tâm hồn của tất cả mọi người hoà hợp với nhau như nước với sữa thì ở đó có đoàn thể hoà hợp được thành lập.

Do đó lời dạy chân thật quả thật là nguồn lực cơ bản để tạo đoàn thể đẹp trên trái đất này. Như trước đã nói, đó là ánh sáng để mọi người thấy biết lẫn nhau, xoá bằng phẳng những vết lồi lõm trong tâm của con người.

Đoàn thể chân thật này vì lấy giáo pháp làm nguồn lực cơ bản như thế nên đã được gọi là giáo đoàn.

Và các thành viên trong đó, do vì tâm của họ phải được giáo dưỡng bởi giáo pháp này, nên cho dù về lý mà nói thì giáo đoàn là bao gồm hết thầy nhân gian trên địa cầu này, nhưng về thực chất thì là đoàn thể của những người có cùng niềm tin về Phật.

3. Đoàn thể nhà Phật này có hai nhóm. Một bên là những người thuyết giảng giáo pháp và thọ nhận vật phẩm cúng dường từ cư sỹ tại gia, và phía ngược lại là người cúng dường y thực. Cả hai nương nhau hỗ trợ nhau, cùng duy trì và phát triển giáo đoàn, nỗ lực lưu truyền giáo pháp cứu trụ trong thế gian.

Như thế, các thành viên trong giáo đoàn lấy sự hoà hợp làm

Kiến Lập Thế Giới Thanh Tịnh

kim chỉ nam, tận tâm đảm nhiệm sứ mệnh của giáo đoàn ấy. Chư tăng giảng dạy giáo lý cho cư sĩ tại gia, cư sĩ tại gia lãnh thọ và tín phụng giáo lý ấy, thế là cả hai đạt được sự hoà hợp.

Các thành viên trong giáo đoàn cùng nhau hoà thuận, không tranh cãi nhau, vui sống chung với người có cùng niềm tin chí nguyện, từ ái cho nhau, đồng sức đồng lòng mà nỗ lực tu học.

4. Ở đây, trong giáo đoàn có sáu nguyên tắc. Thứ nhất là nói lời từ hoà, thứ hai là hành động từ hoà, thứ ba là giữ ý từ hoà, thứ tư là chia cho nhau những gì có được, thứ năm là cùng nhau giữ gìn giới luật thanh tịnh, thứ sáu là cùng nhau giữ gìn chánh kiến.

Trong đó, giữ gìn chánh kiến là phần chính, năm thứ còn lại được nội hàm trong chánh kiến này.

Ngoài ra có hai loại bảy quy tắc làm cho giáo đoàn hưng thịnh.

(1) Thường xuyên tập hợp lại và nói với nhau về giáo pháp.

(2) Hoà kính lẫn nhau.

(3) Kính ngưỡng giáo pháp, tôn trọng giới luật không sửa đổi chúng.

(4) Khi giao tiếp, người lớn kẻ nhỏ cần phải tôn trọng giữ lễ với nhau.

Kiến Lập Thế Giới Thanh Tịnh

(5) Giữ gìn tâm ý lấy sự chính trực và quý kính làm phương châm.

(6) Nên ở chỗ nhàn tịnh để làm cho tâm thanh tịnh, nhường đường cho người đi trước mình đi sau.

(7) Kính ái mọi người, tiếp đón nồng hậu khách vãng lai và thăm hỏi tử tế người bị bệnh. Nếu giữ gìn bảy điều này thì giáo đoàn không suy vong.

Loại thứ hai như sau.

(1) Giữ tâm thanh tịnh không mong quá nhiều tạp sự.

(2) Giữ tâm vô dục lìa bỏ tất cả tham ái.

(3) Nhẫn nại vô tranh.

(4) Giữ sự yên lặng không nói lời vô ích.

(5) Tuân thủ pháp tắc không phóng túng buông lung.

(6) Giữ lòng theo Phật pháp không chạy theo ngoại giáo.

(7) Sống tiết độ trong sinh hoạt hằng ngày. Nếu giữ gìn bảy điều này thì giáo đoàn không suy vong.

5. Như trước đã đề cập, giáo đoàn là tổ chức lấy hoà hợp làm sinh mệnh. Giáo đoàn có bất hoà là không phải giáo đoàn, do đó cần phải nỗ lực để không xảy ra bất hoà. Khi xảy ra bất hoà thì phải nỗ lực nhanh chóng dập tắt điều bất hoà ấy.

Không có chuyện vết máu có thể làm sạch bằng máu, hận thù cũng không thể hoá giải được bằng hận thù, chỉ có việc quên hận thù ấy đi thì mới có thể hoá giải được.

6. Ngày xưa có vị vua tên là Trường Thọ (Dīghīti). Bị vị vua hiếu chiến ở nước láng giềng tên là Brahmadata cướp mất nước. Vua Trường Thọ cùng hoàng hậu và hoàng tử đi lẩn trốn nhưng đã bị quân địch bắt được. Chỉ có vị hoàng tử là may mắn thoát.

Hoàng tử tìm mọi cách để cứu vua cha nhưng vô hiệu. Trong ngày vua cha bị tử hình, hoàng tử cải trang theo đến tận nơi hành quyết, nhìn theo hình dáng tiêu tụy của cha mà khóc trong tuyệt vọng.

Nhà vua nhìn thấy hoàng tử trong đám đông, ông nói như thể là đang nói một mình rằng: “đừng nhìn lâu, đừng nóng vội. Không lấy oán mà trả oán thì oán ấy mới tiêu tan”.

Sau đó, một thời gian dài hoàng tử nghĩ cách phục thù cho cha. Cuối cùng thì cũng được hoàng gia thuê làm việc, rồi tiếp cận được với nhà vua và được nhà vua tín nhiệm.

Một hôm, vua Brahmadata đi săn, hoàng tử nghĩ hôm nay phải đạt được mục đích báo thù, liền bí mật đưa vua đi cách xa quân lính, chỉ có chàng và nhà vua chạy theo con mồi vào sâu trong núi. Vì mệt lả, nhà vua gói đầu lên đùi chàng thanh niên ấy mà ngủ thiếp đi.

Vị hoàng tử thấy thời cơ đã đến, rút kiếm ra kê vào cổ vua Brahmadata. Nhưng lúc đó trong đầu chàng loé lên tiếng nói của người cha già lúc lâm chung, mấy lần tính giết mà không thể giết thì đột nhiên nhà vua thức dậy. Ông nói rằng vừa mơ thấy điều đáng sợ, đó là bị hoàng tử của vua Trường Thọ cắt cổ.

Kiến Lập Thế Giới Thanh Tịnh

Hoàng tử cho biết rằng đã giờ kiếm gí vào nhà vua nhưng ngay lúc ấy mới thù lâu nay bỗng chốc tan biến, tự mình nói rõ danh tính rồi quăng kiếm xuống mà quỳ trước nhà vua.

Nhà vua sau khi nghe được lời nói của vua Trường Thọ lúc lâm chung liền rất cảm động, cả hai cùng hứa sẽ bỏ qua lỗi lầm cho nhau, nhà vua trả lại đất nước cho hoàng tử và sau đó trở thành nước làng giếng thân thiết lâu dài.

Ở đây, trong lời trăng trối của vua Trường Thọ, “đừng nhìn lâu” có nghĩa là đừng kéo dài mối hận thù, “đừng nóng vội” có nghĩa là đừng vội vàng phá vỡ tình bằng hữu.

Hận thù đương nhiên không thể làm tiêu tan bởi hận thù mà chỉ có quên hận thù ấy đi thì mới có thể tiêu tan được.

Trong giáo đoàn hoà hợp thì khi nào cũng cần phải biết đến ý nghĩa của câu chuyện này.

Tinh thần của câu chuyện này không phải chỉ riêng dành cho các thành viên trong giáo đoàn mà cũng là điều cần biết đối với tất cả mọi người trong xã hội.

Tiết 2: Cõi Phạt

1. Như trước đã nói, giáo đoàn lấy sự hoà hợp làm chủ đạo. Bên cạnh đó, nếu các thành viên của giáo đoàn không quên sứ mệnh truyền trì lời Phật dạy thì giáo đoàn cứ dần dần càng được gia tăng, giáo pháp càng được lan rộng.

Giáo pháp được lan rộng ở đây có nghĩa là người tu tập tâm cầu đạo giác ngộ ngày càng nhiều lên, và cũng có nghĩa là ma quân tham sân si được thống lãnh bởi ma vương ái dục và vô minh chi phối thế giới này sẽ bị suy yếu, và ở đó trí tuệ, quang minh, niềm tin và sự hoan hỷ nắm quyền chi phối.

Lãnh thổ của ác ma là tham dục, tối tăm, tranh giành, đao kiếm, máu me, chiến tranh, tật đố, ghen ghét, đố kỵ, dối trá, nịnh bợ, a dua, dẫu diếm, phê phán.

Bây giờ ở đây được trí tuệ chiếu sáng, được từ bi gội nhuần, gốc rễ của niềm tin được bén rễ, hoa hoan hỷ nở bùng, lãnh thổ của ác ma bỗng chốc trở thành cõi Phật.

Cũng giống như ngọn gió thanh lương êm dịu hay một vài cành hoa cũng là tín hiệu của mùa xuân, nên nếu có một người khai mở được tuệ giác Phật thì cỏ cây hoa lá rừng núi đại địa tất cả đều trở thành cõi Phật.

Bởi vì nếu tâm thanh tịnh thì chỗ người đó ở cũng trở thành thanh tịnh.

2. Tất cả những cư dân nơi thế giới được kinh điển giới

Kiến Lập Thế Giới Thanh Tịnh

thiệu ấy, có tâm hồn thanh cao tĩnh tịnh. Điều này là nhờ lòng đại bi không mệt mỏi của đức Phật ban bố cho, ánh sáng nội tâm của ngài quét sạch những ô nhiễm trong tâm của tất cả chúng sanh.

Tâm thanh cao tịnh tĩnh ấy đồng thời cũng là tâm sâu lắng, tâm hợp đạo, tâm bố thí, tâm trì giới, tâm nhẫn nhục, tâm tinh tấn, tâm định tĩnh, tâm trí huệ, tâm từ bi, và tâm sử dụng phương tiện làm cho chúng sanh thể đắc được đạo màu. Nên ở đó cõi nước của đức Phật được tạo lập.

Nhà có vợ con cũng trở thành nhà có đức Phật trú ngụ, quốc gia có nhiều sự phân biệt về mặt xã hội cũng trở thành cõi nước của những con người có lòng từ.

Cung điện vàng son mà ở đó con người chìm đắm trong dục lạc thì không phải là chỗ trú ngụ của đức Phật. Am tranh nhỏ sơ sài đến nỗi ánh trăng có thể lọt vào mà chủ nhà có tâm chân chính thì đó sẽ là chỗ trú ngụ của đức Phật.

Cõi nước của đức Phật được kiến lập trên tâm của một người, rồi từ đó chiêu gọi những người có cùng lòng tin, và con số cứ thế gia tăng. Từ gia đình đến xóm làng, đến xã phường, đến quận huyện, đến tỉnh thành, đến quốc gia, và sau cùng là làm rộng ra trên toàn thế giới.

Sự thật, việc lời Phật dạy được truyền bá rộng khắp chính là mở rộng cõi nước của Phật.

3. Đương nhiên, nếu được nhìn từ góc độ nào đó thì thế

Kiến Lập Thế Giới Thanh Tịnh

giới này là lãnh thổ của ác ma, là thế giới của dục vọng, là đấu trường đầy máu lửa. Nhưng đối với người có niềm tin vào sự giác ngộ của đức Phật nơi thế giới này thì máu mủ tanh nhơ trở thành sữa tốt, dục vọng hoá thành từ bi, giành lấy thế giới này từ tay ác ma mà tác thành cõi Phật.

Dùng cái thìa mà múc cho hết nước đại dương là điều không thể, nhưng cũng nhất quyết muốn thành tựu việc này cho dù phải trải qua nhiều đời, đó là tâm nguyện của kẻ có niềm tin Phật.

Đức Phật chờ chúng ta ở bờ bên kia, bờ bên kia là thế giới của sự giác ngộ, là cõi nước vĩnh viễn không còn tham sân si. Ở đây, chỉ có ánh sáng trí huệ chiếu tỏ, chỉ có mưa từ bi gội nhuần.

Cõi nước ấy là nơi chốn trở về nghỉ ngơi cho tất cả, những kẻ buồn phiền, kẻ thống khổ, kẻ đau thương, hay là cả người đã mỏi mệt vì việc lưu bố chánh pháp trong cõi đời này.

Cõi nước ấy là cõi Phật, có ánh sáng vô tận, thọ mạng vô tận, người ở đây sẽ không còn quay trở lại thế giới u mê này.

Và cõi ấy là cõi nước đầy những niềm vui giác ngộ giải thoát, hoa toả hương trí huệ và những con chim hót ra tiếng pháp. Quả là cảnh giới cuối cùng mà tất cả mọi người nên trở về.

Kiến Lập Thế Giới Thanh Tịnh

4. Cõi nước này là chỗ nghỉ ngơi nhưng không phải là chỗ an nhàn phóng dật. Đài hoa ấy không phải là chỗ ngủ nghỉ thoải mái vô ích, mà đó là nơi lấy lại năng lượng để tiếp tục sứ mệnh giác ngộ giải thoát của đức Phật.

Sứ mệnh của đức Phật thì không biết khi nào kết thúc được. Ngày nào còn con người, còn sinh vật tồn tại nơi thế gian này, cũng như còn những thế giới mà tâm của những chúng sanh ấy tạo nên, thì sứ mệnh của Phật chưa thể kết thúc.

Nay nhờ sức của Phật mà những vị đệ tử của ngài đã đến bờ tịnh độ bên kia, tùy theo những nhân duyên khác nhau mà quay trở lại thế giới này để thừa hành Phật sự ấy.

Như ánh lửa từ một ngọn đuốc nhỏ, dần dần truyền sang cho những ngọn đuốc khác, cứ thế truyền đến vô tận. Ánh lửa tâm của Phật cũng dần dần truyền cho nhiều người, sẽ vĩnh viễn không bao giờ cùng tận.

Những vị thánh đệ tử của Phật cũng thừa hành Phật sự này, đem ánh sáng của Phật truyền rộng cho nhiều thế hệ, để kiến tạo nên cõi Phật sáng ngời vĩnh viễn không bao giờ cùng tận.

Tiết 3: Những Vị Đã Nhận Được Ánh Quang Từ Cõi Phật.

1. Syamavati, hoàng hậu của vua Udayana có niềm tin sâu sắc vào Phật pháp.

Hoàng hậu ở suốt trong cung điện không bao giờ ra ngoài. Bà có người gái hầu tên là Uttara có trí nhớ tốt, thường đến chỗ Thế Tôn nghe pháp rồi về nói lại cho hoàng hậu nghe, nhờ vậy niềm tin của bà ngày càng sâu sắc.

Vị vương kỹ thứ hai của nhà vua tên là Māgandhiya do vì ghen ghét Syamavati nên lập kế hoạch sát hại. Bà ta nói xấu hoàng hậu với vua, cuối cùng vua xiêu lòng và tính chuyện giết chết hoàng hậu Syamavati.

Tuy nhiên khi đó hoàng hậu đứng trước nhà vua một cách bình thản, ông không thể ra tay sát hại vị hoàng hậu có dung nghi đầy từ ái như thế, cuối cùng vua đã từ bỏ ý định giết bà và xin lỗi hoàng hậu về sự bất tín nóng vội ấy.

Vương kỹ Māgandhiya càng ghen tức. Một hôm khi vua đi vắng, bà mưu kế với ác nhân thiêu cháy hậu cung của hoàng hậu Syamavati. Hoàng hậu bình tĩnh động viên những người hầu đang hoảng sợ, và rồi không lo lắng, không sợ hãi, bà đã chết cùng với nàng hầu Uttara trong ánh đạo mà bà đã học được từ những bài giảng của đức Thế Tôn.

Trong hàng tín nữ tại gia của đức Phật, Syamavati là vị từ tâm đệ nhất, Uttara là đa văn đệ nhất.

Kiến Lập Thế Giới Thanh Tịnh

2. Hoàng tử Mahānāma dòng dõi Shakya là em họ của đức Phật. Là người có niềm tin sâu sắc vào giáo pháp của đức Phật và đã chí thành quy y làm đệ tử của đức Phật.

Một hôm vị vua nước Kosala hung ác tên là Virudaka tấn công hoàng tộc Shakya và tiêu diệt dòng họ này. Hoàng tử Mahānāma đã đến gặp ông để xin tha mạng cho dân trong thành, nhưng nhà vua hung ác này không đồng ý. Hoàng tử bèn xin vua chỉ trong khoảng thời gian chàng lặn một hơi dưới hồ, chỉ trong chừng đó thời gian, mở cửa cho dân trong thành thoát ra là được.

Nhà vua nghĩ rằng một hơi lặn xuống nước của con người thì chẳng là bao nhiêu thời gian nên đã đồng ý. Thế là Mahānāma lặn xuống hồ, cửa thành được mở ra, dân trong thành vui mừng tháo chạy. Nhưng mãi mà không thấy Mahānāma bơi lên. Sau khi xuống hồ chàng đã xoắn tóc cột vào gốc cây, tự giết mình để cứu lấy mọi người.

3. Utpalavarna (Liên Hoa Sắc) là một vị ni nổi tiếng thần thông, người được so sánh với ngài Mục-kiền-liên, thường dẫn chư tỳ-kheo-ni đi khắp nơi giáo hoá, là vị lãnh đạo xuất sắc trong các tỳ-kheo-ni.

Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) là một kẻ hung ác, đã làm lung lạc vua Ajatasatru (A-xà thế), lập kế hoạch phản nghịch đức Thế Tôn nhưng sau đó vua đã quy y Thế Tôn mà không theo lời của Devadatta. Devadatta đến hoàng cung nhưng bị chặn lại nên không vào được, trong khi ông ta đứng trước

cổng thành thì nhìn thấy Utpalavarna đi ra. Vô cùng tức giận, Devadatta lấy hết sức bình sinh giáng nắm đấm lên đầu vị ni này.

Utpalavarna chịu đau về chùa, chư ni đến an ủi hỏi han, bà nói với họ rằng: “Thưa quý vị, mạng sống của con người là không thể lường trước được, mọi sự mọi vật đều là vô thường, vô ngã, chỉ có thế giới giác ngộ là tịch tịnh, bình an. Quý vị hãy cố gắng nỗ lực mà tu học”. Nói như thế xong bà tĩnh lặng trút hơi thở cuối cùng.

4. Angulimalya ngày trước vốn là tay giết người vô số, sau được đức Thế Tôn giáo hoá và trở thành đệ tử của ngài, do tội lỗi từ trước khi xuất gia, trên đường đi khát thực về ngài đã bị người bức hại.

Đó là một ngày, Angulimalya vào thành khát thực rồi bị những người có hận thù đánh trọng thương, toàn thân máu me nhưng cuối cùng Angulimala cũng về đến chùa, ông lễ bái đức Thế Tôn rồi thốt lên lời hoan hỷ rằng:

“Thưa Thế Tôn, con vốn là người vô hại, vì ngu si mà đã giết hại nhiều người, chỉ để gom góp ngón tay, vì vậy mà có tên là Angulimalya (vòng ngón tay) này.

“Nay đệ tử đã quy y Tam bảo, đạt được trí tuệ giác ngộ. Muốn điều khiển con ngựa người ta dùng dây dùng roi. Thế Tôn thì không dùng dây, không dùng roi, cũng không dùng móc sắt, nhưng ngài đã điều phục được tâm con.

Kiến Lập Thế Giới Thanh Tịnh

“Thưa Thế Tôn, hôm nay con nhận lấy quả báo mà con phải nhận. Con không còn trông mong sự sống hay cái chết, con chỉ trông mong đến thời khắc tĩnh lặng”.

Nói những lời như thế xong Angulimalya đi vào tịch diệt.

5. Maudgalyayana (Mục-kiền-liên), cùng với Sariputra (Xá-lợi-phất), là một trong hai vị đại đệ tử của đức Phật.

Nhìn thấy việc giáo pháp của đức Phật thấm đượm lòng người như nước vào đất, những kẻ ngoại đạo nổi tâm đố kỵ nên tìm cách gây cản trở.

Tuy nhiên, không có gì ngăn cản được sự lan rộng của giáo pháp chân thật ấy, nên những kẻ ngoại đạo bèn manh tâm giết hại Maudgalyayana, đệ tử lớn của đức Phật.

Lần thứ nhất rồi đến lần thứ hai, Maudgalyayana đã tránh được đòn tấn công của những người này nhưng đến lần thứ ba thì bị họ vây trong vòng vây đông đảo, ngài đã bị hại.

Maudgalyayana đã bị đánh đập đến bầm dập gãy xương, ngài tĩnh lặng chịu đựng sự bạo hành, tâm giác ngộ không hề dao động, bình an đi vào cõi diệt.

Kinh Tăng Chi Bộ (Aṅguttara Nikāya)

Này các Tỳ-kheo, một người khi xuất hiện ở đời đem lại an lạc cho số đông, đem lại hạnh phúc cho số đông; người được sinh ra vì lòng thương tưởng đối với đời, vì lợi ích, an lạc và hạnh phúc cho chư thiên và loài người. Người đó là ai? Đó là Như Lai, bậc A-la-hán, đấng Toàn Giác. Này các tỳ-kheo, đó chính là một người.

Này các tỳ-kheo, sự xuất hiện của một người khó tìm thấy trong cuộc đời. Là của ai? Là của Như Lai, bậc A-la-hán, đấng Toàn giác. Đó chính là một người.

Này các tỳ-kheo, người khó tìm thấy trong cuộc đời là con người vi diệu. Người ấy là ai? Là Như Lai, bậc A-la-hán, đấng Toàn Giác. Đó chính là một người.

Này các tỳ-kheo, sự mệnh chung của một người được số đông thương tiếc. Đó là của ai? Là của Như Lai, bậc A-la-hán, đấng Toàn Giác. Đó chính là một người.

Này các tỳ-kheo, có một người sinh ra trong đời là vô tử, vô song. Người đó là ai? Đó là Như Lai, bậc A-la-hán, đấng Toàn Giác. Đó chính là một người.

Này các tỳ-kheo, sự xuất hiện của một người là sự xuất hiện của đại nhãn, đại quang, đại minh. Đó là của ai? Là của Như Lai, bậc A-la-hán, đấng Toàn Giác. Đó chính là một người. (Aṅguttara Nikāya I-13)

Phật điển y cứ cho nội dung sách này

Đức Phật

<i>Tiết</i>	<i>trang</i>	<i>dòng</i>	<i>Nguồn điển cứ</i>
Chương thứ nhất			
1	2	1	Phật truyện
	4	7	Pāli, Tăng Chi bộ 3-38
	4	19	Pāli, Trung bộ 3-26, kinh Thánh Cầu
	5	5	Phật truyện
	6	1	Pāli, Trung bộ 9-85, kinh Bồ-đề Vương Tử
	6	5	Phật truyện
	6	13	Pāli, Kinh Tập 3-2, kinh Tinh Càn
	6	18	Phật truyện
	7	2	Pāli, Luật tạng Đại phẩm, phẩm thứ nhất (sao)
	8	1	Trường A-hàm II, kinh Du Hành
2	9	1	Trường A-hàm II, kinh Du Hành
	9	14	Kinh Bát-nê-hoàn
	11	9	Kinh Di Giáo
	11	15	Trường A-hàm II, kinh Du Hành v.v...
Chương thứ hai			
1	13	1	Kinh Quán Vô Lượng Thọ; Kinh Duy-ma
	13	4	Kinh Thủ Lăng Nghiêm

<i>Tiết</i>	<i>trang</i>	<i>dòng</i>	<i>Nguồn điển cứ</i>
	13	9	Kinh Duy-ma, kinh Đại Bát Niết-bàn
	13	20	Kinh Pháp Hoa, phẩm Thọ Lượng thứ 16
	14	12	Kinh Tâm Địa Quán
	14	19	Kinh Đại Bát Niết-bàn
2	16	1	Kinh Pháp Hoa, phẩm Thí Dụ thứ 3
	16	20	Kinh Pháp Hoa, phẩm Tín Giải thứ 4
	18	7	Kinh Pháp Hoa, phẩm Dược Thảo Dụ thứ 5
3	20	1	Kinh Pháp Hoa, phẩm Thọ Lượng thứ 16
Chương thứ ba			
1	22	1	Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Như Lai Quang Minh Giác thứ 5
	22	20	Kinh Đại Bát Niết-bàn
	23	4	Kinh Hoa Nghiêm
	23	13	Kinh Kim Quang Minh, phẩm Tam Thân thứ 3
2	26	1	Kinh Hoa Nghiêm
	26	7	Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Nhập Pháp Giới thứ 34
	26	11	Kinh A-di-đà
	26	16	Kinh Hoa Nghiêm
	26	23	Kinh Tạp A-hàm 35-5

<i>Tiết</i>	<i>trang</i>	<i>dòng</i>	<i>Nguồn điển cứ</i>
	27	3	Kinh Đại Bát Niết-bàn
3	29	1	Pāli, Trung Bộ 8-77, Thiện Sanh Ưu-bà-tắc đại kinh
	29	21	Kinh Đại Bát Niết-bàn
	30	8	Kinh Lăng-già
	30	17	Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Như Lai Tánh khởi thứ 32
	31	7	Kinh Pháp Hoa, phẩm Phổ Môn thứ 25
	31	10	Kinh Đại Bát Niết-bàn
	31	20	Kinh Pháp Hoa, phẩm Thí dụ thứ 3
	32	1	Kinh Pháp Hoa, phẩm Thí Dụ thứ 3

Lời dạy của đức Phật

Chương thứ nhất

1	34	1	Pāli, Luật tạng Đại phẩm 1-6; Tương Ứng Bộ 56-11-12, Kinh Chuyển Pháp Luân
	35	7	Pāli, Bổn Sự 103
	35	16	Pāli, Trung bộ 2, kinh Nhất Thiết Lậu
	35	22	Kinh Tứ Thập Nhị Chương, thứ 18
	36	9	Kinh Thắng Man

<i>Tiết</i>	<i>trang</i>	<i>dòng</i>	<i>Nguồn điển cứ</i>
3	39	1	Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Thập Địa thứ 22
Chương thứ hai			
1	42	1	Pāli, Trung bộ 4-35, Tát-giá-ca tiểu kinh
	43	19	Pāli, Tăng Chi bộ 5-49, Muṇḍarāja-vagga
	44	6	Pāli, Tăng Chi bộ 4-185, Samaṇa-sutta
	44	12	Pāli, Tăng Chi bộ 3-134, Uppāda-sutta
2	45	1	Kinh Lăng Già
	45	4	Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Lô-xá-na Phật thứ 2
	45	12	Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Dạ-ma Thiên Cung thứ 16
	46	1	Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Thập Địa thứ 22
	46	7	Kinh Lăng Già
	46	11	Pāli, Tăng Chi bộ 4-186, Ummagga-sutta
	46	14	Kinh Pháp Cú 1, 2, 17, 18
	46	22	Kinh Thủ Lăng Nghiêm; Pāli, Tương Ưng bộ 1-2-1-6 kinh Kāmada
3	48	1	Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Dạ-ma Thiên Cung thứ 16

<i>Tiết</i>	<i>trang</i>	<i>dòng</i>	<i>Nguồn điển cứ</i>
	48	6	Kinh Lăng Già
	48	19	Pāli, Trung bộ 3-22, kinh Xà Dụ
	49	11	Kinh Lăng Già
	49	15	Kinh Lăng Già
4	52	1	Pāli, Luật tạng Đại Phẩm 1-6; kinh Chuyển Pháp Luân
	52	14	Kinh Lăng Già
	52	18	Kinh Tạp A-hàm quyển 43, kinh Khúc Gỗ Trôi
	53	5	Kinh Lăng Già và khác
	53	15	Pāli, Trung bộ 2-18, kinh Mật Hoàn
	54	1	Kinh Lăng Già
	54	11	Kinh Lăng Già
	54	23	Kinh Duy-ma, phẩm Nhập Bát Nhị
	56	15	Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Nhập Pháp Giới thứ 34
	56	22	Kinh Lăng Già và khác
Chương thứ ba			
1	58	1	Pāli, Luật Tạng Đại phẩm 1-5
	58	12	Pāli, Luật Tạng Tiểu Phẩm 5-21
	58	19	Kinh Thủ Lăng Nghiêm
2	63	1	Kinh Thủ Lăng Nghiêm
	64	16	Kinh Đại Bát Niết-bàn
	64	22	Kinh Pháp Hoa phẩm Hoá Thành Dụ thứ 7; kinh Thủ Lăng Nghiêm

<i>Tiết</i>	<i>trang</i>	<i>dòng</i>	<i>Nguồn điển cứ</i>
	65	10	Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Như Lai Tánh Khởi thứ 32
	65	13	Kinh Đại Bát Niết-bàn
	65	17	Kinh Phạm Võng
	66	1	Kinh Đại Bát Niết-bàn
3	67	1	Kinh Đại Bát Niết-bàn
Chương 4			
1	71	1	Kinh Thắng Man
	71	18	Pāli, Tăng Chi bộ 2-11
	72	4	Pāli, Bốn Sự kinh 93
	72	9	Pāli, Luật Tạng Đại phẩm
	72	17	Pāli, Tăng Chi Bộ 3-68
	73	3	Pāli, Tăng Chi Bộ 3-34
	73	17	Kinh Phương Quảng Đại Trang Nghiêm
	73	23	Pāli, Luật tạng Đại phẩm 1-6; kinh Chuyển Pháp Luân
	74	3	Pāli, Trung Bộ 2-14, Tiểu kinh Khổ Uẩn
	74	14	Kinh Đại Bát Niết-bàn
	75	10	Pāli, Bốn Sự kinh 24
2	77	1	Pāli, Trung Bộ 51, kinh Kandaraka
	77	15	Pāli, Tăng Chi Bộ 3-130
	78	6	Pāli, Tăng Chi Bộ 3-113
3	79	1	Pāli, kinh Bốn Sự 100
	79	14	Kinh Thí Dụ

<i>Tiết</i>	<i>trang</i>	<i>dòng</i>	<i>Nguồn điển cứ</i>
	80	10	Kinh Đại Bát Niết-bàn
	81	14	Pāli, Tăng Chi Bộ 3-62
	82	4	Pāli, Tăng Chi Bộ 3-35
	83	8	Pāli, trường Lão Ni Kệ Chú
4	85	1	Kinh Vô Lượng Thọ quyền hạ
Chương thứ năm			
1	90	1	Kinh Vô Lượng Thọ quyền thượng
	93	2	Kinh Vô Lượng Thọ quyền hạ
	94	8	Kinh Quán Vô Lượng Thọ
2	97	1	Kinh A-di-đà

Con Đường Tu Hành

Chương thứ nhất			
1	102	1	Pāli, Trung Bộ 2, kinh Nhất Thiết Lậu
	103	11	Pāli, Trung bộ 26, kinh Thánh Cầu
	104	1	Pāli, Tương Ứng Bộ 35-206
	104	23	Kinh Tứ Thập Nhị Chương, 41- 42
	106	18	Pāli, Trung Bộ 19, kinh Song Tâm
	107	12	Pāli, Pháp Cú Kinh Chú
2	109	1	Pāli, Tăng Chi bộ 3-117
	109	10	Pāli, Trung Bộ 3-21 kinh Ví Dụ Cái Cửa

<i>Tiết</i>	<i>trang</i>	<i>dòng</i>	<i>Nguồn điển cứ</i>
	112	2	Pāli, Trung Bộ 3-23 kinh Gò Mối
	113	9	Pāli, kinh Bốn Sanh 4-497, Mātanga Jātaka
	116	3	Kinh Tứ Thập Nhị Chương, 9
	116	11	Kinh Tứ Thập Nhị Chương, 11
	117	3	Kinh Tứ Thập Nhị Chương, 13
	118	1	Pāli, Tăng Chi Bộ 2-4, Samacitta- sutta
3	119	1	Kinh Tạp Bảo Tạng
	124	1	Kinh Bách Dụ
	127	1	Luận Đại Trí Độ
	128	8	Kinh Đại Bát Niết-bàn
	129	7	Kinh Tạp Bảo Tạng
Chương thứ hai			
1	133	1	Pāli, Trung Bộ 7-63, Kinh Ví Dụ Mũi Tên
	134	20	Pāli, Trung Bộ 3-29, Kinh Ví Dụ Lỗi Cây
	135	22	Kinh Phật Thăng Đao Lợi Thiên Vị Mẫu Thuyết Pháp
	136	6	Pāli, Trưởng Lão kệ chú
	137	21	Pāli, Trung Bộ 3-28, Kinh Ví Dụ Dấu Chân Voi
	138	9	Kinh Đại Bát Niết-bàn
	138	21	Kinh Bách Duyên (avadānaśataka)
	140	5	Kinh Đại Bát Niết-bàn

<i>Tiết</i>	<i>trang</i>	<i>dòng</i>	<i>Nguồn điển cứ</i>
	141	23	Kinh Đại Phẩm Bát-nhã Ba-la-mật, phẩm Thường Đề thứ 88
	143	4	Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Nhập Pháp Giới thứ 34
2	145	1	Pāli, Tăng Chi Bộ 3-88
	145	13	Pāli, Tăng Chi Bộ 3-81
	145	19	Pāli, Tăng Chi Bộ 3-82
	146	11	Kinh Bát Nê-hoàn quyển thượng
	147	4	Pāli, Trung Bộ 14-141, Kinh Phân Biệt Thánh Đế
	148	7	Kinh Bát Nê-hoàn, quyển thượng
	149	1	Pāli, Tăng Chi Bộ 5-16
	149	8	Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Minh Nạn thứ 6
	149	21	Kinh Đại Bát Niết-bàn
	150	10	Kinh Tạp Bảo Tạng
	150	23	Kinh Kim Quang Minh, phẩm Xả Thân 26
	151	11	Kinh Đại Bát Niết-bàn
	152	2	Pāli, Trưởng Lão Kệ Chú
	152	18	Pāli, Bốn Sanh Kinh 55
	153	19	Pāli, Bốn Sự kinh 39, 40
	154	3	Kinh Đại Bát Niết-bàn
	154	6	Kinh Đại Bát Niết-bàn
	154	9	Pāli, Tăng Chi Bộ 5-12
	154	14	Kinh Bát Nê Hoàn
	154	22	Kinh Thủ Lăng Nghiêm
3	156	1	Pāli, Tương Ưng bộ 55-21, 22

<i>Tiết</i>	<i>trang</i>	<i>dòng</i>	<i>Nguồn điển cứ</i>
	156	20	Pāli, Tăng Chi Bộ 5-32
	157	4	Kinh Duy-ma
	157	16	Kinh Thủ Lăng Nghiêm
	157	23	Kinh Vô Lượng Thọ quyển hạ
	158	8	Pāli, Tương Ứng Bộ 1-4-6
	158	11	Kinh Hoa Nghiêm phẩm Ly Thế Gian thứ 33
	159	2	Kinh Hoa Nghiêm phẩm Thập Nhân thứ 24
	159	11	Kinh Kim Quang Minh phẩm Trống Vàng thứ 4
	159	19	Kinh Quán Vô Lượng Thọ
	159	21	Kinh Vô Lượng Thọ
	160	2	Kinh Đại Bát Niết-bàn
	160	19	Pāli, Trung Bộ 2-16 kinh Tâm Hoang Dã
	161	9	Kinh Vô Lượng Thọ quyển hạ
4	162	1	Kinh Pháp Cú
	168	13	Pāli, Tương Ứng Bộ 1-4-6
	169	1	Kinh Tăng Nhất A-hàm
	169	4	Kinh Đại Bát Niết-bàn

Tăng Thân

Chương thứ nhất

1	172	1	Pāli, Kinh Bốn Sự 100; Trung Bộ 1-3 kinh Thừa Tụ Pháp
	172	5	Pāli, Kinh Bốn Sự 92

<i>Tiết</i>	<i>trang</i>	<i>dòng</i>	<i>Nguồn điển cứ</i>
	172	11	Pāli, Luật Tạng Đại Phẩm 1-30
	173	5	Pāli, Trung Bộ 4-39, Mã Ấp Đại kinh
	174	6	Pāli, Trung Bộ 4-40, Mã Ấp Tiểu kinh
	175	2	Kinh Pháp Hoa, phẩm Pháp Sư thứ 10
	175	7	Kinh Pháp Hoa, phẩm Pháp Sư thứ 10
	175	15	Kinh Pháp Hoa, phẩm An Lạc Hạnh thứ 14
2	177	1	Pāli, Tương Ứng Bộ 55-37, Mahānāma
	177	9	Pāli, Tăng Chi Bộ 3-75
	177	15	Pāli, Tương Ứng Bộ 55-37
	177	19	Pāli, Tương Ứng Bộ 55-54, Gilāyanam
	178	1	Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Thập Địa thứ 22
	179	5	Kinh Đại Bát Niết-bàn
	181	11	Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Tịnh Hạnh thứ 7
	183	12	Kinh Phật Thăng Đạo Lợi Thiên vị Mẫu Thuyết Pháp
	184	7	Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Kim Cang Tràng Bồ-tát Hồi Hướng thứ 21
	185	1	Kinh Đại Bát Niết-bàn

<i>Tiết</i>	<i>trang</i>	<i>dòng</i>	<i>Nguồn điển cứ</i>
3	186	1	Kinh Lễ Lạy Sáu Phương
	190	22	Pāli, Tăng Chi Bộ 2-4
	191	14	Pāli, Tăng Chi Bộ 3-31
	191	23	Pāli, Kinh Bốn Sanh 417, Ca-chiên-diên Bốn Sanh
	193	13	Kinh Lễ Lạy Sáu Phương
	193	23	Kinh Pháp Cú Thí Dụ 4; Pāli, Pháp Cú kinh chú
	194	21	Chú thích thư của Miến Điện
	195	15	Kinh Thắng Man
Chương thứ hai			
1	198	1	Kinh Đại Bát Niết-bàn
	199	10	Pāli, Tăng Chi bộ 3-118
	200	18	Pāli, Tương Ứng Bộ
	201	9	Pāli, Luật tạng Đại phẩm 10-1&2
	201	14	Kinh Trường A-hàm II, kinh Du Hành
	202	17	Pāli, Luật tạng Đại phẩm 10-1&2
	203	1	Luật tạng Đại phẩm 10-1&2; kinh Trường Thọ Vương
2	205	1	Pāli, Tương Ứng bộ
	205	17	Kinh Trung Ấm
	205	23	Kinh Duy Ma
	206	24	Kinh Đại Bát Niết-bàn
	207	18	Kinh A-di-đà
	208	1	Kinh Vô Lượng Thọ
	208	12	Kinh Duy-ma
3	209	1	Pāli, Pháp Cú Kinh Chú 1

<i>Tiết</i>	<i>trang</i>	<i>dòng</i>	<i>Nguồn điển cứ</i>
	209	7	Kinh Tăng Nhất A-hàm 34-2
	210	1	Pāli, Pháp Cú Kinh Chú 1
	210	17	Kinh Tăng Nhất A-hàm 5-1
	210	21	Hữu Bộ Luật, Phá Tăng sự 10
	211	10	Kinh Ương Quật Ma La
	212	5	Kinh Tăng Nhất A-hàm 26